

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Quang
- Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Thế H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà A, đường C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Đoàn Tâm U**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: D, đường C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, bà U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2023, tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Thế H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Đoàn Tâm U kết hôn vào năm 2004. Trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn do vợ không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng, cầm dao uy hiếp mẹ con của em dâu, đi làm cầm thẻ của chồng mà cứ nói mang tiền về cho gia đình chồng, sau khi cưới cầm tiền đi mua nhà, mua đất không nói gì với chồng, vợ chồng mâu thuẫn sau khi cưới được 05 năm, vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay. Nay ông xác định không

còn tình cảm gì với vợ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 và cháu Phạm Thục Mai T1, sinh ngày 10/8/2012. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thục Mai T1, sinh ngày 10/8/2012 và tạm thời ông không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông đang làm gia công in lụa, quần áo, đồng phục do tự gia đình mở xưởng, thu nhập khoảng 15 triệu/tháng. Hộ kinh doanh cá thể do ông làm chủ có giấy phép kinh doanh.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bà U cho rằng có tài sản chung nào khác có yêu cầu thì bà U yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai ngày 03/4/2023 bị đơn bà Nguyễn Đoàn Tâm U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn vào năm 2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau về tiền bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do bà là người có đạo công giáo nên bà không được phép ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 và cháu Phạm Thục Mai T1, sinh ngày 10/8/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng. Hiện nay bà làm giáo viên trường tiểu học Đ, thu nhập mỗi tháng khoảng 9 triệu/ tháng. Bà sẽ cung cấp cho Tòa chứng minh thu nhập vào ngày 27/7/2023.

Về tài sản chung: Nhà và đất tọa lạc tại số A, ấp T, xã B, huyện T và đất ở Sông T diện tích 5.500 m². Sổ tờ sổ thửa bà sẽ cung cấp cho Tòa án vào ngày 27/7/2023. Bà yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật, bà sẽ có đơn yêu cầu vào ngày 27/7/2023.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng H1 – chi nhánh Đ1 số tiền 50.000.000 đồng. Nếu ly hôn thì bà sẽ trả số tiền này không yêu cầu ông H trả.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt khi xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông H; Về con chung: Giao cháu Mai T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà U tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Thế H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Đoàn Tâm U nhưng bà Nguyễn Đoàn T2 Uyên vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thế H và bà Nguyễn Đoàn Tâm U kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 11/BM ngày 16/02/2004 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông H trình bày quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn do vợ không tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng, cầm dao uy hiếp mẹ con của em dâu, đi làm cầm thẻ của chồng mà cứ nói mang tiền về cho gia đình chồng, sau khi cưới cầm tiền đi mua nhà, mua đất không nói gì với chồng, vợ chồng mâu thuẫn sau khi cưới được 05 năm, vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với vợ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U. Theo bà U cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau về tiền bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do bà là người có đạo công giáo nên bà không được phép ly hôn. Qua xác minh tại địa phương, thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn gia đình của ông H và bà U do đương sự không yêu cầu địa phương hòa giải.

[2.2] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà U đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã sống ly thân khoảng 07 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc ông H xin ly hôn với bà U là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế H, ông Phạm Thế H được ly hôn với bà Nguyễn Đoàn Tâm U.

[3] Về con chung: Ông H và bà U có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 và cháu Phạm Thục Mai T1, sinh ngày 10/8/2012. Khi ly hôn ông H và bà U đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai T1, ông H không yêu cầu cấp dưỡng, bà U xin nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn cả ông H và bà U đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai T1. Tuy nhiên, xét thấy cháu Mai T1 hiện đang sống cùng ông H và có nguyện vọng được ở với ông H. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Mai T1 nên giao cháu Mai T1 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu Mai T1. Tạm

thời bà U không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà U trình bày tài sản chung gồm nhà và đất tọa lạc tại số A, ấp T, xã B, huyện T và đất ở Sông T diện tích 5.500 m². Số tờ sổ thừa bà sẽ cung cấp cho Tòa án vào ngày 27/7/2023. Bà yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật, bà sẽ có đơn yêu cầu vào ngày 27/7/2023. Tuy nhiên, bà U không có đơn yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Ông H trình bày không có. Bà U trình bày có nợ Ngân hàng H1 – chi nhánh Đ1 số tiền 50.000.000 đồng. Nếu ly hôn thì bà sẽ trả số tiền này không yêu cầu ông H trả. Tuy nhiên, bà U không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nợ chung nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thế H được ly hôn với bà Nguyễn Đoàn Tâm U.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thục Mai T1, sinh ngày 10/8/2012 cho ông Phạm Thế H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Đoàn Tâm U không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 27/11/2004 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của bà Nguyễn Đoàn Tâm U.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Ông Phạm Thế H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002621 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông Phạm Thế H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến